



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY
THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 38 291 924
- Fax : 08 38 290 146

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Seaproflex Hải Phòng – Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần – Seaproflex Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở)
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Mạnh Hoài	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Văn Tiền	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Liêm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016
Ông Phan Văn Anh Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 7 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phan Thúy Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Vũ Cao Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2016
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 8 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Tấn Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2016
Ông Thái Bá Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Tấn Tâm – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, tổng hợp.



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2017





Số: 0437/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2017, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.2b trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả sự không chắc chắn về khoản thu nhập liên quan khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May với tổng giá trị là 15.000.000.000 VND mà Tổng Công ty chưa ghi nhận vào sổ sách kế toán. Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy Ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Tri - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.937.409.726	342.983.311.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.065.174.551	224.511.256.267
1. Tiền	111		31.818.405.798	8.434.051.413
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.246.768.753	216.077.204.854
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	86.457.564.337
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	86.457.564.337
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.866.586.994	14.566.077.817
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31.553.247.189	5.899.829.114
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.595.721.478	1.345.273.348
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	4.656.314.500	8.797.426.212
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.938.696.173)	(1.476.450.857)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.797.341.109	7.346.734.619
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6.797.341.109	7.346.734.619
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		208.307.072	10.101.678.278
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	206.300.455	197.875.107
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.006.617	1.095.380.608
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	8.808.422.563
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.562.738.050.998	1.003.089.469.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.045.442.463	1.038.753.600
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.045.442.463	1.038.753.600
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		58.657.055.580	63.906.571.041
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	35.434.922.757	39.812.304.043
- Nguyên giá	222		99.185.120.082	102.864.419.739
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.750.197.325)	(63.052.115.696)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	23.222.132.823	24.094.266.998
- Nguyên giá	228		25.979.238.472	25.979.238.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.757.105.649)	(1.884.971.474)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		561.179.178.034	362.251.088
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	561.179.178.034	362.251.088
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		941.660.879.830	936.787.450.914
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	148.758.961.387	148.758.961.387
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	662.982.094.919	662.982.094.919
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	138.356.750.401	138.356.750.401
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(11.336.446.877)	(16.030.355.793)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2.899.520.000	2.720.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		195.495.091	994.443.162
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	195.495.091	994.443.162
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.638.675.460.724	1.346.072.781.123

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		349.599.527.874	88.300.078.248
I. Nợ ngắn hạn	310		334.004.098.874	80.514.675.248
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.221.000	4.815.366.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	31.262.000	1.439.738.720
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	735.867.272	82.576.545
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.040.107.950	3.885.164.815
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	12.623.462.313	3.406.961.802
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	890.369.838	66.747.544.012
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	316.600.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	79.808.501	137.322.504
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		15.595.429.000	7.785.403.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	15.595.429.000	7.785.403.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.289.075.932.850	1.257.772.702.875
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.289.075.932.850	1.257.772.702.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(95.950.000)	(50.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	391.160.144	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	38.780.722.706	7.823.202.875
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.040.882.587	7.823.202.875
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		31.739.840.119	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.638.675.460.724	1.346.072.781.123



Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	109.698.873.164	42.283.717.440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.322.718	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.694.550.446	42.283.717.440
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	89.785.997.524	30.800.778.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.908.552.922	11.482.938.990
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	63.697.650.138	37.256.853.558
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.900.762.196	16.409.137.897
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.466.835.553	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2.226.375.245	1.599.598.213
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	30.237.439.109	23.973.613.485
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.241.626.510	6.757.442.953
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.536.055.654	1.873.868.017
12. Chi phí khác	32	VI.9	13.037.842.045	543.095.639
13. Lợi nhuận khác	40		(11.501.786.391)	1.330.772.378
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.739.840.119	8.088.215.331
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	265.012.456
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.739.840.119</u>	<u>7.823.202.875</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017


Vu Thị Hồng Gấm
Người lập


Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.739.840.119	8.088.215.331
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	6.079.182.206	4.658.693.931
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6	(231.663.600)	17.506.806.650
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(63.288.737.806)	(37.096.260.081)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	12.466.835.553	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.234.543.528)	(6.842.544.169)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.848.525.193)	(495.488.922)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		549.393.510	(198.064.051)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.770.504.679)	8.955.573.904
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		662.975.773	(246.670.158)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5, V.16	(3.719.343.563)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(342.541.043)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19, VII	(61.831.777.539)	(128.237.934.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(96.192.325.219)	(127.407.669.010)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(562.029.603.634)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		725.095.454	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.348.045.109)	(1.464.086.607)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.626.089.446	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	26.351.907.600
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	67.218.157.346	33.107.330.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(407.808.306.497)	57.995.151.181

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.20	(45.450.000)	(50.500.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	380.600.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(64.000.000.000)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>316.554.550.000</i></u>	<u><i>(50.500.000)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(187.446.081.716)	(69.463.017.829)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	224.511.256.267	293.974.274.096
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u><u>37.065.174.551</u></u>	<u><u>224.511.256.267</u></u>

Vũ Thị Hồng Gấm
 Vũ Thị Hồng Gấm
 Người lập

Bùi Thị Phương Thảo
 Bùi Thị Phương Thảo
 Kế toán trưởng

Trần Tấn Tâm
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017

 Trần Tấn Tâm
 Tổng Giám đốc

15-C.T.
 TY
 HỮU HẠN
 VÀ TƯ VẤN
 C
 HỒ CHÁI

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Nuôi trồng thủy sản (cá tầm thương phẩm) tiêu thụ nội địa; Dịch vụ, thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.	Chế biến thực phẩm	59,34%	59,34%	59,34%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.	Chế biến thực phẩm	50,78%	50,78%	50,78%
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	62,37%	62,37%	62,37%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Thiết kế, đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh máy móc thiết bị	46,36%	46,36%	46,36%
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	Đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện thủy	26,01%	26,01%	26,01%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	Nuôi trồng thủy sản	20,00%	20,00%	20,00%

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	23,70%	23,70%	23,70%
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long.	Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	Chế biến thủy sản	27,75%	27,75%	27,75%
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.	Chế biến thủy sản	26,90%	26,90%	26,90%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	Chế biến thủy sản	36,40%	36,40%	36,40%
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nỗ, phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh, chế biến thủy sản	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất thức ăn gia súc	22,08%	22,08%	22,08%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần - Seaprodex Lâm Đồng	Thôn Kơ Nết, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.
Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước không so sánh được với số liệu của năm nay do số năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số phát sinh từ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là giai đoạn chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty có 95 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 115 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê nhà kho, mặt hồ, chi phí công cụ, dụng cụ và lợi thế thương mại. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí cải tạo văn phòng

Chi phí cải tạo văn phòng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ

Tiền thuê nhà kho, mặt hồ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 32
Máy móc và thiết bị	05 - 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thụ được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thụ được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	130.080.935	150.077.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.688.324.863	8.283.973.913
Các khoản tương đương tiền (*)	5.246.768.753	216.077.204.854
Cộng	37.065.174.551	224.511.256.267

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Tại ngày kết thúc năm tài chính khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là 1.787.309.553 VND (số đầu năm là 0 VND) bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	86.457.564.337	86.457.564.337
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.899.520.000	2.899.520.000	2.720.000.000	2.720.000.000
Cộng	2.899.520.000	2.899.520.000	89.177.564.337	89.177.564.337

(*) Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản tiền gửi này bị phong tỏa để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	148.758.961.387	-	148.758.961.387	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	31.450.200.000	-	31.450.200.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	79.223.570.400	-	79.223.570.400	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	38.085.190.987	-	38.085.190.987	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	662.982.094.919	(4.867.500.000)	662.982.094.919	(4.867.500.000)
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	546.897.499.662	-	546.897.499.662	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	39.992.400.000	-	39.992.400.000	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	36.071.360.000	-	36.071.360.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	10.918.845.000	-	10.918.845.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	9.362.396.255	-	9.362.396.255	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691	-	7.055.024.691	-
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	-	4.994.824.935	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	4.867.500.000	(4.867.500.000)	4.867.500.000	(4.867.500.000)
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	2.822.244.376	-	2.822.244.376	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	138.356.750.401	(6.468.946.877)	138.356.750.401	(11.162.855.793)
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Lạnh	53.249.400.000	-	53.249.400.000	(8.407.800.000)
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358	-	26.220.102.358	-
Công ty Cổ phần Thủy đặc sản	23.144.531.354	(3.593.313.360)	23.144.531.354	(220.877.579)
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	-	22.522.500.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam	6.505.488.945	-	6.505.488.945	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Phát triển Nhà	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị hàng hải - Mecom	1.307.080.395	-	1.307.080.395	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu Thủy sản	1.254.969.616	-	1.254.969.616	-
Công ty Cổ phần Vật tư thủy sản Việt Nam	995.940.542	(79.178.214)	995.940.542	(79.178.214)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Mỹ	553.333.272	(341.455.303)	553.333.272	-
Công ty Cổ phần Biên Tây	455.000.000	(455.000.000)	455.000.000	(455.000.000)
Công ty Cổ phần Bao bì thủy sản	148.403.919	-	148.403.919	-
Cộng	950.097.806.707	(11.336.446.877)	950.097.806.707	(16.030.355.793)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502276504, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 31 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐHT-TSVN-NK ngày 05 tháng 3 năm 2015, Tổng Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May 15.000.000.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty cổ phần) đã góp đủ phần giá trị vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại-chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có gửi Công văn số 2281/UBND-VP ngày 10 tháng 4 năm 2015 yêu cầu thu hồi đất do Tổng Công ty quản lý tại chân cầu Cỏ May thuộc dự án đầu tư nêu trên.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga tạm thời ngưng hoạt động.

Các công ty con khác và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.030.355.793	-
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(4.693.908.916)	16.030.355.793
Số cuối năm	11.336.446.877	16.030.355.793

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung		
Cho thuê kho	-	184.800.000
Nhận cổ tức	3.494.030.400	4.374.030.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội		
Nhận cổ tức	2.967.000.000	2.670.300.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn		
Nhận cổ tức	4.570.590.600	3.554.903.800
Mua hàng hóa	25.208.179.200	4.627.022.400
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè		
Nhận cổ tức	130.050.000	104.040.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng thủy sản Hạ Long		
Nhận cổ tức	234.200.000	256.000.000
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc Proconco		
Nhận cổ tức	30.052.749.880	6.989.011.600
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam		
Nhận cổ tức	1.227.870.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4		
Nhận cổ tức	2.608.200.000	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long		
Nhận cổ tức	2.081.040.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5		
Nhận cổ tức	554.400.000	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thép Vạn Thành	24.716.316.875	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát	1.739.455.300	2.732.870.941
Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thiên Phúc	65.136.500	131.569.000
Cơ sở Kala	444.009.945	510.439.000
Các khách hàng khác	4.588.328.569	2.524.950.173
Cộng	31.553.247.189	5.899.829.114

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Hải Hoà Phát	-	610.830.342
Công ty TNHH Du lịch và Thủy sản Nước lạnh Thác Bạc	450.000.000	350.000.000
Công ty TNHH MTV Phi Huỳnh	760.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	385.721.478	384.443.006
Cộng	1.595.721.478	1.345.273.348

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.743.632.741	1.743.632.741	2.736.632.741	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Phải thu tiền cho vay và lãi cho vay	1.743.632.741	1.743.632.741	1.743.632.741	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5 - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	693.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.912.681.759	2.232.506.868	6.060.793.471	-
Tiền lãi dự thu	291.849.586	-	2.932.087.687	-
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát - Phải thu tiền lãi	1.521.188.795	1.521.188.795	1.521.188.795	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng - Phải thu khoản tiền thanh lý khi kết thúc hợp đồng hợp tác liên doanh	525.747.790	368.023.453	525.747.790	-
Công ty Cổ phần Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà	-	-	187.452.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật công trình Việt Nam - Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	510.720.000	-
Tạm ứng	186.339.000	-	29.488.337	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	100.000	-	100.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	387.456.588	343.294.620	354.008.862	-
Cộng	4.656.314.500	3.976.139.609	8.797.426.212	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Bình Minh						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	150.000.000	75.000.000	<i>Từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	240.000.000	168.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Năm Vàng						
<i>Phải thu khác</i>	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	525.747.790	157.724.337	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	525.747.790	262.873.895
Ông Phan Văn Trí						
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	343.294.620	-	<i>Trên 03 năm</i>	343.294.620	-
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà						
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	-	-	<i>Trên 03 năm</i>	187.452.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Hòa Phát						
<i>Ứng trước người bán</i>	<i>Trên 03 năm</i>	-	-	<i>Trên 03 năm</i>	610.830.342	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản - Cổ tức, lợi nhuận được chia						
<i>Phải thu khác</i>	<i>Trên 03 năm</i>	1.743.632.741	-	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	2.043.632.741	2.043.632.741
DNTN Thương mại Tân Vạn Phát						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Trên 03 năm</i>	1.739.455.300	-	<i>Trên 03 năm</i>	2.732.870.941	2.732.870.941
<i>Phải thu khác</i>	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	1.521.188.795	-	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	1.521.188.795	1.521.188.795
Các khách hàng khác						
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	123.411.250	61.705.625		-	-
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	119.662.022	33.266.383		-	-
Cộng		6.266.392.518	327.696.345		8.205.017.229	6.728.566.372

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2/4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.476.450.857	-
Trích lập dự phòng bổ sung	4.462.245.316	1.476.450.857
Số cuối năm	5.938.696.173	1.476.450.857

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	90.288.086	-
Công cụ, dụng cụ	242.975.930	-	160.860.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.554.365.179	-	7.035.065.818	-
Thành phẩm	-	-	60.520.715	-
Cộng	6.797.341.109	-	7.346.734.619	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	17.710.268	33.347.910
Thuê nhà kho, mặt hồ	78.816.667	74.700.000
Chi phí sửa chữa tài sản	61.918.492	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	47.855.028	89.827.197
Cộng	206.300.455	197.875.107

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	34.671.404	247.068.969
Chi phí di dời văn phòng	-	120.721.369
Giá trị lợi thế thương mại	35.619.366	71.238.731
Chi phí trang trí nội thất	-	158.215.910
Chi phí cải tạo văn phòng	125.204.321	326.416.365
Chi phí nạo vét cầu cảng	-	70.781.818
Cộng	195.495.091	994.443.162

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	89.850.138.973	7.885.208.844	4.824.235.003	304.836.919	102.864.419.739
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.340.223.638	-	-	-	1.340.223.638
Thanh lý, nhượng bán	(3.565.894.775)	(300.000.000)	(1.153.628.520)	-	(5.019.523.295)
Số cuối năm	87.624.467.836	7.585.208.844	3.670.606.483	304.836.919	99.185.120.082
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.941.086.927	2.226.194.446	1.053.171.428	248.146.010	5.468.598.811
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	52.949.271.347	6.401.071.918	3.432.467.168	269.305.263	63.052.115.696
Khấu hao trong năm	4.109.969.335	527.256.623	541.959.442	27.862.631	5.207.048.031
Thanh lý, nhượng bán	(3.146.642.288)	(272.564.104)	(1.089.760.010)	-	(4.508.966.402)
Số cuối năm	53.912.598.394	6.655.764.437	2.884.666.600	297.167.894	63.750.197.325
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	36.900.867.626	1.484.136.926	1.391.767.835	35.531.656	39.812.304.043
Số cuối năm	33.711.869.442	929.444.407	785.939.883	7.669.025	35.434.922.757
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.532.342.472	446.896.000	25.979.238.472
Số cuối năm	25.532.342.472	446.896.000	25.979.238.472
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	107.000.000	107.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.739.338.307	145.633.167	1.884.971.474
Khấu hao trong năm	785.610.540	86.523.635	872.134.175
Số cuối năm	2.524.948.847	232.156.802	2.757.105.649
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.793.004.165	301.262.833	24.094.266.998
Số cuối năm	23.007.393.625	214.739.198	23.222.132.823
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tài sản cố định	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	339.148.038	562.177.493.634	(1.340.223.638)	(147.890.000)	561.028.528.034
<i>Công trình Khách sạn Blue Sapphire - Vũng Tàu.</i>	229.453.856	-	-	-	229.453.856
<i>Dự án số 02 Ngô Gia Tự, TP. Hà Nội</i>	109.694.182	-	-	-	109.694.182
<i>Quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh^(*)</i>	-	560.837.269.996	-	(147.890.000)	560.689.379.996
<i>Công trình khác</i>	-	1.340.223.638	(1.340.223.638)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	23.103.050	282.100.000	-	(154.553.050)	150.650.000
Cộng	362.251.088	562.459.593.634	(1.340.223.638)	(302.443.050)	561.179.178.034

(*) Tiền mua cơ sở nhà đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tổng Công ty đang làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	4.627.022.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	-	4.627.022.400
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<u>3.221.000</u>	<u>188.344.450</u>
Cộng	<u>3.221.000</u>	<u>4.815.366.850</u>

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Primex International Trading Corporation	-	1.434.438.720
Các khách hàng khác	31.262.000	5.300.000
Cộng	<u>31.262.000</u>	<u>1.439.738.720</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	33.367.586	-	632.455.389	(564.655.410)	101.167.565	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	8.808.422.563	8.808.422.563	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	49.208.959	-	1.303.665.606	(1.285.425.698)	67.448.867	-
Tiền thuế đất	-	-	3.152.366.008	(2.605.076.408)	547.289.600	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	50.317.497	(30.356.257)	19.961.240	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Cộng	<u>82.576.545</u>	<u>8.808.422.563</u>	<u>13.952.227.063</u>	<u>(4.490.513.773)</u>	<u>735.867.272</u>	<u>-</u>

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn theo Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách Nhà nước số 1987/QĐ-CT-GT ngày 06 tháng 10 năm 2016 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh.

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán cá tầm	Không chịu thuế
- Hàng xuất khẩu	0%
- Hàng tiêu thụ nội địa	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.739.840.119	8.088.215.331
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	12.928.414.378	3.183.847.805
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	44.668.254.497	11.272.063.136
Thu nhập miễn thuế	(58.589.815.280)	(13.775.852.300)
Thu nhập tính thuế	(13.921.560.783)	(2.503.789.164)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu của các năm trước	-	265.012.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	265.012.456

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000614 ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Chi nhánh Seaprodex Lâm Đồng được miễn tiền thuê đất trong 11 năm đối với diện tích mặt nước thuê để nuôi cá tầm thương phẩm và diện tích đất thuê để sử dụng vào mục đích khác.

Tiền thuê đất khác được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Lương phải trả công nhân viên và Ban lãnh đạo.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	2.077.470.720	1.558.103.040
Chi phí lãi vay phải trả	10.272.155.553	1.524.663.563
Tiền án phí	-	16.559.018
Chi phí người đại diện vốn	144.509.615	128.528.846
Trích trước chi phí điện nước	-	15.762.690
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	129.326.425	163.344.645
Cộng	12.623.462.313	3.406.961.802

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước - Phải trả vốn kinh doanh	-	61.682.188.540
Công ty TNHH Mua bán Nợ Việt Nam	71.394.789	71.394.789
Tiền thuế thu nhập cá nhân hoàn trả người lao động	-	110.957.200
Tiền lương giai đoạn cổ phần chưa chi	-	4.396.858.180
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	545.000.000	-
Kinh phí công đoàn	-	8.105.087
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	603.876
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	273.975.049	477.436.340
Cộng	890.369.838	66.747.544.012

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Thủy sản Miền Trung - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	14.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	15.595.429.000	7.771.403.000
Cộng	15.595.429.000	7.785.403.000

Tổng Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	36.600.000.000	-
Vay ngắn hạn tổ chức khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 ⁽ⁱⁱ⁾	280.000.000.000	-
Cộng	316.600.000.000	-

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7,2%/năm, thời hạn vay 11 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.1 và V.2a).

(ii) Vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng khu đất số 2 – 4 – 6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số cổ phần tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco (xem thuyết minh số V.2b).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	100.600.000.000	(64.000.000.000)	36.600.000.000
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	280.000.000.000	-	280.000.000.000
Cộng	-	380.600.000.000	(64.000.000.000)	316.600.000.000

Vay quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	156.464.058	(95.900.000)	60.564.058
Quỹ phúc lợi	137.322.504	234.696.086	(352.774.147)	19.244.443
Cộng	137.322.504	391.160.144	(448.674.147)	79.808.501

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước (*)	1.250.000.000.000	-	-	-	1.250.000.000.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(50.500.000)	-	-	(50.500.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.823.202.875	7.823.202.875
Số dư cuối năm trước	1.250.000.000.000	(50.500.000)	-	7.823.202.875	1.257.772.702.875
Số dư đầu năm nay	1.250.000.000.000	(50.500.000)	-	7.823.202.875	1.257.772.702.875
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(45.450.000)	-	-	(45.450.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.739.840.119	31.739.840.119
Trích lập các quỹ	-	-	391.160.144	(782.320.288)	(391.160.144)
Số dư cuối năm nay	1.250.000.000.000	(95.950.000)	391.160.144	38.780.722.706	1.289.075.932.850

(*) Số dư đầu năm trước là số nhận bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang tại ngày 17 tháng 4 năm 2015.

20b. Chi tiết cổ phiếu của các chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	79.228.000	79.228.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Miền Nam	-	18.750.000
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	16.750.000	-
Công ty Cổ phần Nova Bắc Nam 79	25.125.000	-
Ông Nguyễn Văn Liêm	-	12.500.000
Ông Vũ Cao Trung	-	3.787.500
Ông Nguyễn Khải Hưng	-	3.787.500
Các cổ đông khác	3.887.500	6.942.000
Cộng	124.990.500	124.995.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	125.000.000	125.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.500	5.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.500	5.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.990.500	124.995.000
- Cổ phiếu phổ thông	124.990.500	124.995.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26 tháng 4 năm 2016, kết quả kinh doanh của năm tài chính 2015 không chia cổ tức cho các cổ đông.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	2.832.019.652	3.517.504.170
Trên 01 năm đến 05 năm	10.291.814.926	13.159.152.048
Trên 05 năm	58.149.478.366	58.089.254.174
Cộng	71.273.312.944	74.765.910.392

Tổng Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2003 đến năm 2063, và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

21b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 298,9 USD (số đầu năm là 214.137,80 USD).

21c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627	Quá hạn thanh toán
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận Hải quan TP. Hồ Chí Minh	41.000.000 6.231.565	41.000.000 6.231.565	Quá hạn thanh toán Quá hạn thanh toán
Công ty TNHH Chế biến Kinh doanh Hải sản Dương Hà	187.452.000	-	Quá hạn thanh toán
Công ty TNHH Thương mại Hải Hoà Phát	610.830.342	-	Quá hạn thanh toán
Cộng	893.428.534	95.146.192	

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	66.725.684.326	15.151.789.320
Doanh thu bán thành phẩm	16.924.316.758	10.915.605.437
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.048.872.080	16.216.322.683
Cộng	<u>109.698.873.164</u>	<u>42.283.717.440</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	64.769.372.714	14.608.670.844
Giá vốn của thành phẩm đã bán	11.949.088.794	7.337.780.235
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.067.536.016	8.854.327.371
Cộng	<u>-89.785.997.524</u>	<u>30.800.778.450</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.484.383.965	12.628.596.817
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	155.090.246	37.258.390
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.589.815.280	13.775.852.300
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	105.026.123	23.297.009
Lãi bán hàng trả chậm	363.334.524	89.108.433
Lãi chuyển nhượng công ty còn	-	8.360.000.000
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	-	736.158.157
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	1.595.652.807
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.929.645
Cộng	<u>63.697.650.138</u>	<u>37.256.853.558</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.466.835.553	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	42.007.161	10.385.449
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(4.693.908.916)	16.030.355.793
Chi phí tài chính khác	85.828.398	368.396.655
Cộng	<u>7.900.762.196</u>	<u>16.409.137.897</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.049.684.891	704.042.688
Chi phí vật liệu, bao bì	15.408.400	34.873.835
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	195.279.433	140.649.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.242.448	42.671.734
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.470.091	-
Các chi phí khác	716.289.982	677.360.754
Cộng	2.226.375.245	1.599.598.213

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.553.628.036	11.916.015.299
Chi phí vật liệu quản lý	210.469.872	247.714.457
Chi phí đồ dùng văn phòng	760.853.254	855.585.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.926.918.582	2.302.275.460
Thuế, phí và lệ phí	779.676.061	3.119.659.512
Dự phòng phải thu khó đòi	4.462.245.316	1.476.450.857
Xử lý công nợ tồn lâu	798.282.342	95.840.919
Chi phí thuê văn phòng	907.804.368	747.543.276
Chi phí tiền điện	440.870.675	319.628.453
Các chi phí khác	4.396.690.603	2.892.899.508
Cộng	30.237.439.109	23.973.613.485

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	214.538.561	-
Thu nhập từ thù lao người đại diện vốn	1.253.799.474	1.145.042.422
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	-	597.645.652
Thu nhập khác	67.717.619	131.179.943
Cộng	1.536.055.654	1.873.868.017

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí người đại diện vốn	627.230.770	541.413.462
Thuế bị truy thu, bị phạt	12.348.823.452	1.197.344
Chi phí khác	61.787.823	484.833
Cộng	13.037.842.045	543.095.639

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.443.955.173	7.099.215.300
Chi phí nhân công	18.381.815.506	14.598.013.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.079.182.206	4.658.693.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.805.500.761	3.069.477.298
Chi phí khác	7.761.417.486	12.698.148.580
Cộng	50.471.871.132	42.123.548.712

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Trong năm, Tổng Công ty đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước phần lợi nhuận còn lại của giai đoạn trước cổ phần và phần chênh lệch giữa giá trị phần vốn Nhà nước và vốn điều lệ là 61.383.103.392 VND (năm trước là 124.431.336.610 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về chi phí thuê nhà kho với các cá nhân có liên quan với số tiền là 60.000.000 VND (năm trước là 35.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có tiền lương với tổng tiền lương trong năm là 3.898.867.902 VND (năm trước là 2.028.000.000 VND).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Công ty con
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.12 và V.17b.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực nuôi trồng, thương mại ngành thủy sản;
- Các lĩnh vực khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lĩnh vực nuôi trồng, thương mại ngành thủy sản	49.990.312.122	26.067.394.757
Các lĩnh vực khác	59.704.238.324	16.216.322.683
Cộng	109.694.550.446	42.283.717.440

Tổng Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	33.070.318.082	15.151.789.320
Trong nước	76.624.232.364	27.131.928.120
Cộng	109.694.550.446	42.283.717.440

Tổng Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc cộng bổ trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Vũ Thị Hồng Gấm
Người lập biểu

Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

